

Phân tích bài Nhìn về vốn văn hóa dân tộc - Văn mẫu lớp 12

Tuyển tập những bài văn mẫu hay phân tích nội dung bài Nhìn về vốn văn hóa dân tộc của Trần Đình Huợu - Để học tốt môn Văn lớp 12

Đề bài: Em hãy phân tích bài Nhìn về vốn văn hóa dân tộc của Trần Đình Huợu.

Bài làm:

Bài tham khảo số 1: Văn mẫu của bạn Minh Thư THPT Thái Bình

Nhìn về vốn văn hóa dân tộc là một trích đoạn của tiểu luận *Về vấn đề tìm đặc sắc văn hóa dân tộc* được Trần Đình Huợu viết từ năm 1986. Với tiểu luận này, mục đích chính mà tác giả đặt ra không phải là xác định rõ ràng từng điểm một về cái gọi là bản sắc văn hóa dân tộc, mà gợi mở con đường nghiên cứu về nó trong tư cách một vấn đề thời sự của chiến lược phát triển đất nước thời kỳ đổi mới. Như vậy, ở đây, “nhìn về” cũng chính là “hướng tới”, và hành động “nhìn về” truyền thống, “nhìn về” quá khứ trở thành một yếu tố then chốt của hành động “hướng tới” hiện đại, “hướng tới” tương lai.

Trong tiểu luận, bên cạnh khái niệm vốn văn hoá dân tộc, tác giả cũng dùng một số khái niệm khác như: đặc sắc văn hóa dân tộc, thiên hướng văn hóa dân tộc, tinh thần chung của văn hóa dân tộc. Cách diễn đạt của tác giả không cố định, cứng nhắc. Có khi tác giả chỉ viết đơn giản: bản sắc dân tộc hoặc nói hơi khác: bản sắc dân tộc của văn hóa. Nhìn chung, theo tinh thần toát lên từ toàn bộ tiểu luận, có thể hiểu vốn văn hoá dân tộc hay bản sắc văn hóa dân tộc là cái giúp khu biệt văn hóa của dân tộc này với văn hóa của dân tộc khác. Bản sắc văn hóa dân tộc là hiện tượng kết tinh, là thành quả tổng hợp của một quá trình sáng tạo, tiếp xúc văn hóa, nhào trộn cái vốn có, riêng có của dân tộc với những cái tiếp thu từ bên ngoài. Bản sắc văn hóa vừa có mặt ổn định vừa có mặt biến đổi ổn định không đối lập mà tạo tiền đề cho biến đổi và biến đổi cũng để đi đến một dạng ổn định mới, cao hơn, phong phú hơn. Khái niệm vốn văn hóa dân tộc mà tác giả dùng vừa có mặt rộng hơn, vừa có mặt hẹp hơn khái niệm bản sắc văn hóa dân tộc. Nói rộng là vì: bản sắc văn hóa làm nên cái vốn văn hóa. Còn nói hẹp là bởi: vốn văn hóa dường như chỉ nói được mặt ổn định, cố hữu mà chưa nói được mặt biến đổi của bản sắc văn hóa. Với các khái niệm thiên hướng văn hóa, tinh thần chung của văn hóa, có lẽ tác giả muốn nói chiều động, chiều phát triển của bản sắc văn hóa.

Ngoài đoạn mở đầu mang tính chất đặt vấn đề, cả tiểu luận (phần được trích học) tập trung nêu lên và nhận xét về một số điểm mà theo tác giả là có “liên quan gần gũi” với cái gọi là đặc sắc văn hóa dân tộc. Cách triển khai lập luận của tác giả khá đặc biệt. Bắt đầu, ông đã không nói về cái có, mà nói về cái không của vốn văn hoá dân tộc. Có thể dễ dàng đếm được trong bài có đến trên vài chục lần từ không được lặp lại – từ không với hàm nghĩa chỉ ra những cái mà dân tộc ta không có (so với các dân tộc khác trên thế giới). Bên cạnh từ không, các cụm từ và từ như chưa bao giờ, ít cũng chờ theo một nội dung tương tự. Khó nói rằng tác giả cố tình “độc đáo”, cố tình gây ấn tượng ở điểm này. Cái gây ấn tượng, nếu có, toát lên từ cách nhìn trực diện về vấn đề hơn là cách tung hứng

Phân tích bài Nhìn về vốn văn hóa dân tộc - Văn mẫu lớp 12

ngôn từ. Vào thời điểm tiêu luận của Trần Đình Hượu ra đời, người ta vốn đã quen nghe những lời ca tụng về dân tộc mình (Càng nhìn ta, lại càng say – Tố Hữu), bởi vậy, khi giáp mặt với một cách đặt vấn đề khác, một cảm hứng nghiên cứu khác, nhiều người dễ có cảm tưởng rằng tác giả đã “nói ngược” hay đã cực đoan trong các nhận định. Kì thực, nếu nắm được mạch nghiên cứu lịch sử tư tưởng của Trần Đình Hượu, đồng thời chấp nhận nét đặc thù của lối văn “phát biểu ý kiến”, ít có trích dẫn cũng như ít đưa dẫn chứng (ở cấp độ cụ thể, chi tiết), lại chủ yếu hướng vào giới chuyên môn vốn am hiểu sâu sắc các vấn đề hữu quan, ta sẽ dễ dàng chia sẻ, tán đồng với tác giả về hầu hết những luận điểm then chốt mà ông nêu lên.

Khi khẳng định: “Giữa các dân tộc, chúng ta không thể tự hào là nền văn hóa của ta đồ sộ, có những cống hiến lớn lao cho nhân loại, hay có những đặc sắc nổi bật”, tác giả đã dựa vào khá nhiều căn cứ: ở Việt Nam, kho tàng thần thoại không phong phú (xét theo những gì còn được bảo tồn đến bây giờ); tôn giáo, triết học đều không phát triển; không có một ngành khoa học, kĩ thuật nào phát triển đến thành có truyền thống; âm nhạc, hội họa, kiến trúc đều không phát triển đến tuyệt kĩ; thơ ca rất được yêu thích nhưng các nhà thơ không ai nghĩ sự nghiệp của mình là ở thơ ca ;... Dĩ nhiên, đây mới chỉ là những “căn cứ lớn”, mà bản thân chúng có thể và cần phải được chứng minh bằng hàng loạt dữ kiện cụ thể. Do định hướng riêng của bài viết, tác giả đành lướt qua vấn đề này. Điều quan trọng hơn đối với ông là nói rõ tiền đề mà dựa trên đó các “căn cứ lớn” đã được nêu lên: “ở một số dân tộc hoặc là một tôn giáo, hoặc là một trường phái triết học, một ngành khoa học, một nền âm nhạc, hội họa,... phát triển rất cao, ảnh hưởng phổ biến và lâu dài đến toàn bộ văn hóa, thành đặc sắc văn hóa của dân tộc đó, thành thiên hướng văn hóa của dân tộc đó”. Theo lô gích vấn đề, ở cuối đoạn 2, tác giả còn cất nghĩa lí do của các “kiểu lựa chọn văn hóa” vừa được chính ông trình bày để ta thấy rõ tính qui luật của nó: “Thực tế đó cho ta biết khuynh hướng, hứng thú, sự ưa thích, nhưng hơn thế, còn cho ta biết sự hạn chế của trình độ sản xuất, của đời sống xã hội. Đó là văn hoá của cư dân nông nghiệp định cư, không có nhu cầu lưu chuyển, trao đổi, không có sự kích thích của đô thị”. Bằng cách lật đi lật lại vấn đề như thế, tác giả đã thực sự làm tăng sức thuyết phục cho luận điểm của mình.

Dễ dàng nhận thấy rằng, với tiêu luận này, tác giả đã thoát khỏi thái độ hoặc ca ngợi, hoặc chê bai đơn giản thường thấy khi tiếp cận vấn đề. Tinh thần chung của bài viết là tiến hành một sự phân tích, đánh giá khoa học đối với những đặc điểm nổi bật của văn hóa Việt Nam. Thực ra, khen hay chê vốn là một phản ứng tình cảm bình thường, hoàn toàn có đủ lí do để có mặt trong một bài nghiên cứu. Nhưng điều quan trọng là nếu người viết không vượt lên được vòng trời buộc của sự khen – chê chủ quan thì mọi kiến nghị, đề xuất sau đó sẽ ít tính thuyết phục. Trần Đình Hượu hẳn ý thức sâu sắc về điều đó nên đã sử dụng một giọng văn điềm tĩnh, khách quan để trình bày các luận điểm. Người đọc chỉ có thể nhận ra được nguồn cảm hứng thật sự của tác giả nếu hiểu cái đích xa mà ông hướng đến : góp phần xây dựng một chiến lược phát triển mới cho đất nước, đưa đất nước thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, kém phát triển hiện thời.

Phân tích bài Nhìn về vốn văn hóa dân tộc - Văn mẫu lớp 12

Sau khi đã nêu một loạt điểm “không đặc sắc” của văn hóa Việt Nam, tác giả lại khẳng định: “Người Việt Nam có nền văn hóa của mình”. Nếu việc làm trước không đồng nghĩa với cái gọi là “chê” thì việc làm sau không phải là biểu hiện cụ thể của cái gọi là “khen”. Không có gì mâu thuẫn ở đây cả, bởi, thứ nhất, theo tác giả quan niệm, việc đi tìm cái riêng của văn hóa Việt Nam không nhất thiết phải gắn liền với việc cố chứng minh dân tộc Việt Nam không thua kém các dân tộc khác ở những điểm mà thế giới đã thừa nhận là rất nổi bật ở họ (ví dụ như sự phát triển của hệ thống thần thoại, tôn giáo, triết học, các ngành nghệ thuật, kiến trúc,...). Nỗ lực chứng minh như thế là một nỗ lực vô vọng. Tác giả chỉ ra những điểm “không đặc sắc” của văn hóa Việt Nam là trên tinh thần ấy. Việc làm của tác giả rõ ràng hàm chứa một gợi ý về phương pháp luận nghiên cứu vấn đề bản sắc văn hóa dân tộc: đi tìm đặc sắc văn hóa Việt Nam phải có cái nhìn sát với thực tế Việt Nam, không thể vận dụng những mô hình cố định; điều quan trọng khác là phải tìm ra cội nguồn của hiện tượng không có những điểm đặc sắc nổi bật như của các dân tộc khác để thấy được cái “đặc sắc” của văn hóa Việt Nam. Vấn đề “có” hay “không” nhiều khi chưa quan trọng bằng vấn đề “tại sao có?”, “tại sao không?”. Thứ hai, tác giả quan niệm văn hóa là sự tổng hòa của nhiều yếu tố, trong đó lối sống, quan niệm sống là yếu tố then chốt; mà lối sống, quan niệm sống ấy cũng lại là một hệ thống, kết quả sự tổng hòa của muôn vàn yếu tố khác nhỏ hơn. Khi quan sát thấy người Việt Nam có lối sống, quan niệm sống riêng, biểu hiện qua việc ta đã tự tạo ra được cho mình một cái “màng lọc” nhằm gạt bỏ hoặc tiếp thu, lựa chọn những cái gì không cần thiết hoặc cần thiết cho mình, tác giả hoàn toàn có cơ sở để khẳng định: người Việt Nam có nền văn hóa riêng. Hóa ra, “không đặc sắc” ở một vài điểm thường hay được người ta nhắc tới không có nghĩa là không có gì! Phải nói rằng, tác giả đã có một quan niệm toàn diện về văn hóa, và hơn thế, biết triển khai công việc nghiên cứu của mình dựa vào việc khảo sát thực tế khách quan chứ không phải vào các “tri thức tiên nghiệm”, các định đề.

Trong đoạn 3, tác giả có nêu khái quát một đặc điểm của văn hóa Việt Nam: "Cái đẹp vừa ý là xinh, là khéo. Ta không háo hức cái tráng lệ, huy hoàng, không say mê cái huyền ảo, kì vĩ. Màu sắc chuộng cái dịu dàng, thanh nhã, ghét sặc sỡ. Quy mô chuộng sự vừa khéo, vừa xinh, phải khoảng. Giao tiếp, ứng xử chuộng hợp tình, hợp lí, áo quần, trang sức, món ăn đều không chuộng sự cầu kì. Tất cả đều hướng vào cái đẹp dịu dàng, thanh lịch, duyên dáng và có quy mô vừa phải". Vào thời điểm tiểu luận ra đời, khái quát nêu trên có thể đã gây được những ngạc nhiên thú vị, bởi nó giống như kết quả của một cái nhìn đến từ phía bên ngoài hoặc của một nỗ lực phản tỉnh, cố gắng tách mình ra khỏi mình nhằm tự đánh giá. Thực tế cho thấy : thật khó nhận diện được nét đặc sắc văn hoá của dân tộc mình một khi ta đang hít thở trong bầu khí quyển của nó, quá quen với nó. Giờ đây, khái quát trong tiểu luận của Trần Đình Hượu gần như đã trở thành một nhận thức phổ biến, thường được nhắc lại với một ít biến thái trong nhiều tài liệu khác nhau. Điều này thực ra khá dễ hiểu vì có vô số dẫn chứng trong đời sống và trong văn học chứng tỏ sự xác đáng của nó, ví dụ : Việt Nam không có những công trình kiến trúc đồ sộ như Kim tự tháp, Vạn lí trường thành, Ăng – ko Vát... Chùa Một cột (chùa Diên Hựu) – một biểu tượng của văn hóa Việt Nam – có quy mô rất bé ; chiếc áo dài rất được phụ nữ Việt Nam ưa chuộng có vẻ đẹp nền nã, dịu dàng, thướt tha ; nhiều câu tục ngữ, ca dao khi nói về kinh

Phân tích bài Nhìn về vốn văn hóa dân tộc - Văn mẫu lớp 12

nghiệm sống, ứng xử rất đề cao sự hợp lí, hợp tình : Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm ; ở sao cho vừa lòng người/ ở rộng người cười, ở hẹp người chê ; Lời nói chẳng mất tiền mua/ Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau...

Kết luận quan trọng nhất của tác giả về tinh thần chung của văn hóa Việt Nam nằm ở câu in nghiêng trong phần cuối đoạn trích: Tinh thần chung của văn hóa Việt Nam là thiết thực, linh hoạt, dung hòa. Toàn bộ những từ như tinh nhanh, khôn khéo, dung hợp, sàng lọc, tinh luyện, tiếp nhận,... được dùng trong đoạn văn cũng có tác dụng “phụ họa” cho kết luận đó. Tác giả còn chỉ rõ : trên lĩnh vực văn hóa, bản lĩnh của dân tộc Việt Nam thể hiện tập trung ở sự “đồng hóa”, “dung hợp” chứ không phải ở sự “tạo tác”. Về các khái niệm vừa dẫn, dựa vào văn cảnh chúng được sử dụng, có thể xác định :

“Tạo tác” là khái niệm có tính chất quy ước, chỉ những sáng tạo lớn của một dân tộc – những sáng tạo mà các dân tộc khác không có hoặc có mà không đạt tầm vóc kì vĩ, gây ảnh hưởng mạnh mẽ đến chung quanh, tạo thành những mẫu mực đáng học tập đến như thế.

Khái niệm “đồng hóa” vừa chỉ vị thế tồn tại nghiêng về phía tiếp nhận những ảnh hưởng từ bên ngoài, những ảnh hưởng lan đến từ các nền văn minh, văn hóa lớn, vừa chỉ khả năng tiếp thu chủ động của chủ thể tiếp nhận – cái khả năng cho phép một dân tộc biến những cái ngoại lai thành cái của mình, trên cơ sở gạn lọc và thu giữ.

Khái niệm “dung hợp” vừa có những mặt gần gũi với khái niệm “đồng hóa” vừa có điểm khác. Với khái niệm này, hãn tác giả muốn nhấn mạnh đến khả năng “chung sống hòa bình” của nhiều yếu tố tiếp thu từ nhiều nguồn khác nhau, có thể hài hòa được với nhau trong một hệ thống, một tổng thể mới.

Nhìn chung, theo Trần Đình Hượu, văn hóa Việt Nam xa lạ với sự cực đoan, không chấp nhận sự cực đoan, và riêng việc không chấp nhận điều đó đã biểu hiện một bản lĩnh đáng trọng. Như vậy, khi khái quát bản sắc văn hóa Việt Nam qua các từ như “đồng hóa”, “dung hợp”, tác giả Trần Đình Hượu không hề rơi vào thái độ tự ti hay miệt thị dân tộc.

Cũng cần nói thêm: trên con đường xác định cái gọi là bản sắc văn hoá dân tộc, Trần Đình Hượu đã có những điểm gặp gỡ với nhiều nhà nghiên cứu tư tưởng, văn hóa, văn học khác. Nhà Đạo học Cao Xuân Huy từng hình dung triết lí Việt Nam là triết lí Nước hay Nhu đạo. Còn nhà sử học Trần Quốc Vượng thì viết: “Tôi gọi cái bản lĩnh – bản sắc biết nhu, biết cương, biết công, biết thủ, biết “trông trời trông đất trông mây...” rồi tùy thời mà làm ăn theo chuẩn mực “nhất thì nhì thục”... ấy, là khả năng ứng biến của người Việt Nam, của lối sống Việt Nam, của văn hóa Việt Nam !” v.v...

Trong bối cảnh thời đại ngày nay, việc tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc trở thành một nhu cầu tự nhiên. Chưa bao giờ dân tộc ta có cơ hội thuận lợi như thế để xác định “chân diện mục” của mình qua hành động so sánh đối chiếu với “khuôn mặt” của các dân tộc

Phân tích bài Nhìn về vốn văn hóa dân tộc - Văn mẫu lớp 12

khác. Giữa hai vấn đề hiểu mình và hiểu người có mối quan hệ tương hỗ. Tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc rất có ý nghĩa đối với việc xây dựng một chiến lược phát triển mới cho đất nước, trên tinh thần làm sao phát huy được tối đa mặt mạnh vốn có, khắc phục được những nhược điểm dần thành cố hữu để tự tin đi lên. Tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc dĩ nhiên cũng gắn liền với việc quảng bá cái hay, cái đẹp của dân tộc để “góp mặt” cùng năm châu, thúc đẩy một sự giao lưu lành mạnh, có lợi chung cho việc xây dựng một thế giới hòa bình, ổn định và phát triển. Đến với tiêu luận *Vấn đề tìm đặc sắc văn hoá dân tộc*, cụ thể là đến với đoạn trích *Nhìn về vốn văn hoá dân tộc*, chúng ta cảm nhận được những điều gợi mở quý báu đó từ một nhà nghiên cứu tâm huyết với tiền đồ phát triển của dân tộc.

Bài tham khảo số 2: Bài làm của bạn Vũ Thu An THPT Nguyễn Huệ

Mỗi dân tộc đều biểu hiện một nét đẹp văn hóa riêng, chính vì thế trong tác phẩm *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc*, Trần Đình Hượu đã sáng tạo và bàn về những khía cạnh của văn hóa, nó được biểu hiện về nhiều phương diện như tôn giáo, nghệ thuật, ứng xử hay cách sinh hoạt của con người.

Trong tác phẩm tác giả đã bàn về các lĩnh vực quen thuộc của mỗi một quốc gia, mỗi dân tộc, ở đó con người biểu hiện về nét sống, cách sinh hoạt hay giao tiếp trong một cộng đồng người. Với sự sáng tạo đó tác giả đã thể hiện được những nét đặc trưng thông qua những ví dụ, dẫn chứng trong các công trình nghiên cứu, ví dụ như Chùa một cột, lăng tẩm..., mỗi một công trình kiến trúc gắn với một sự kiện lịch sử riêng.

Văn hóa không chỉ được biểu hiện qua công trình nghệ thuật mà nó còn biểu hiện qua giao tiếp, văn hóa hay phép ứng xử hàng ngày, trong dân gian có rất nhiều câu tục ngữ hay trong đó nó nói về lời ăn tiếng nói hàng ngày của con người ví dụ như Chim khôn kêu tiếng rảnh rang/ Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe; hay lời nói chẳng mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.

Mỗi công trình văn hóa đều được biểu hiện những nét riêng của một dân tộc, một đất nước, nó phản ánh sâu sắc đời sống của cộng đồng các dân tộc, đó là sự kì vĩ của những công trình kiến trúc, qua đó con người có thể thể hiện được yếu tố tinh thần của mình. Mỗi dân tộc mỗi quốc gia đều có đa dạng các nền văn hóa, nó có thể tốt xấu, ảnh hưởng mạnh mẽ đến truyền thống của mỗi quốc gia, mỗi vùng miền dân tộc. Mỗi chúng ta cần phải biết tiếp nhận những nền văn hóa theo khía cạnh riêng, lành mạnh và thể hiện được những nét văn hóa riêng của vùng miền, của dân tộc.

Tinh thần văn hóa được biểu hiện những nét đẹp văn hóa của vùng miền, tổ chức hay hệ thống của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, chúng ta không ngừng cải thiện, nâng cao cho mình sự sáng tạo vì một cộng đồng dân tộc, luôn tích cực chủ động, sàng lọc nền văn hóa, học hỏi và tiếp thu truyền thống của cộng đồng dân tộc. Mỗi quốc gia, mỗi dân tộc đều phải trải

Phân tích bài Nhìn về vốn văn hóa dân tộc - Văn mẫu lớp 12

qua quá trình bị xâm nhập văn hóa, nó là nguồn văn hóa mở, tạo nên một nét riêng trong văn hóa của mỗi quốc gia, mỗi vùng miền dân tộc.

Mỗi vùng miền biểu hiện một vùng văn hóa riêng, chính vì thế dân tộc của chúng ta cần phải mở rộng, nâng cao và phát triển văn hóa truyền thống, những giá trị văn hóa cao đẹp, mang lại ý nghĩa to lớn cho mỗi con người. Giá trị văn hóa truyền thống thể hiện những giây phút lịch sử hào hùng của dân tộc, mỗi quốc gia dân tộc đều có những nét văn hóa riêng, chính vì thế nó thể hiện những giá trị truyền thống, văn hóa lịch sử, những di tích lịch sử hào hùng.

Văn hóa biểu hiện cho lối sống của quốc gia, dân tộc đó, chính vì những nét văn hóa điển hình của mỗi vùng miền mà tựu chung thành nền văn hóa của đất nước, của mỗi dân tộc. Văn hóa biểu hiện truyền thống, tôn giáo, những công trình kiến trúc của dân tộc. Tác giả bàn về văn hóa trên nhiều phương diện, nó là phương diện lịch sử, đạo đức, lối sống và tinh hoa riêng của mỗi dân tộc.

Vốn văn hóa của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc là phong phú, nó biểu hiện những vấn đề của dân tộc, của thời đại, phát triển chung về lối sống, tư tưởng và đạo đức của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc đối với những vấn đề lịch sử, mọi vấn đề đều được biểu hiện nét riêng, đặc sắc, tinh tế của vùng miền văn hóa đó.

Mỗi chúng ta đều có thể thấy được, tác giả Trần Đình Hượu đã bàn về lối văn hóa của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, nó biểu hiện nét riêng trong văn hóa, lối sống, lịch sử của đất nước, truyền thống, thể hiện cái nhìn mới mẻ về văn hóa của vùng miền, của đất nước.